TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TU** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HS-ST
Ngày: 04-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

M, sinh năm 1985 tại tỉnh Nghệ An; nơi thường trú: Xóm B, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Ấp 1, xã S, huyện Bắc TU, tỉnh Bình Dương; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 01/12; con ông A, sinh năm 1944 và bà B, sinh năm 1945; bị cáo có 07 chị, em, lớn nhất sinh năm 1966, nhỏ nhất sinh năm 1988; có vợ tên Tr, sinh năm 1985; bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2018; tiền sự, tiền án: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2018 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa của bị cáo*: Bà L, sinh năm 1979 là Luật sư của Văn phòng Luật sư D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Đường số 5, Khu dân cư thương mại U, Khu phố 2, phường U, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Tr, sinh năm 1985; nơi thường trú: Ấp 8, xã P, huyện C, tỉnh Long An; tạm trú: Ấp 1, xã S, huyện Bắc TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Ông H, sinh năm 1994; vắng mặt.

2. Ông N, sinh năm 1996; vắng mặt.

3. Ông L, sinh năm 1995; có mặt.

4. Bà K, sinh năm 1984; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

M là đối tượng nghiện ma túy từ tháng 12 năm 2017, loại ma túy M sử dụng là ma túy đá (Methamphetamine). M tạm trú tại Phòng trọ số 3, khu nhà trọ Nguyễn Văn Tâm thuộc Ấp 1, xã S, huyện Bắc TU, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 01 giờ sáng ngày 28/11/2018, M điều khiển xe mô tô biển số 62K1 – 220.54 chở L là bạn của M đi từ nhà trọ của M đến khu vực bến xe J, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương để đón em gái của M. Khi đến bến xe J, M nói N đợi M ở phía trước cổng bến xe, M đi bộ vào trong bến xe gặp đối tượng tên S để mua ma túy về sử dụng (M nhiền lần mua ma túy của S). M gặp S hỏi mua 500.000 đồng ma túy, S đồng ý và lấy trong người ra 01 (Một) bịch nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng rồi đưa cho M. Sau khi trả tiền, M để bịch nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng vào quần lót đang mặc. Sau đó, M đi ra chỗ N và tiếp tục đợi em gái của M. Tuy nhiên, em gái M gọi điện thoại nói đã đi về nhà trọ rồi nên M điều khiển xe 62K1-220.54 chở N về phòng trọ. Khi đến khu vực phường F, thị xã TU, tỉnh Bình Dương, Tổ tuần tra thuộc Phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Bình Dương phát hiện M và N có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. Quá trình kiểm tra phát hiện trong quần lót của M đang mặc có một bịch nylon hàn kín bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, M khai nhận chất tinh thể màu trắng là ma túy đá, lực lượng tuần tra tiến hành niêm phong đối với bịch nylon chứa chất tinh thể màu trắng trên và đưa M đến trụ sở Công an phường F, thị xã TU lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng.

Công an phường F thông báo vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU để thụ lý theo thẩm quyền. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU, tỉnh Bình Dương phối hợp với Công an xã S, huyện Bắc TU, tỉnh Bình Dương tiến hành khám xét Phòng số 03, nhà trọ Nguyễn Văn Tâm thuộc Ấp 1, xã S, huyện Bắc TU, tỉnh Bình Dương. Quá trình khám xét phát hiện và thu giữ: 01 (Một) bịch nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng; 03 ống thủy tinh. M khai nhận: 01 (Một) bịch nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng này M mua của S vào ngày 23/11/2018 tại bến xe J mang về phòng trọ cất giữ. Ngày 27/11/2018, M đã sử dụng một phần, số ma túy còn lại M cất giấu trong phòng.

Tại Kết luận giám định số 22/MT-PC09 ngày 30/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: 01 (Một) bịch nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể trắng thu giữ của M tại Phòng số 3, nhà trọ Nguyễn Văn Tâm thuộc Ấp 1, xã S, huyện Bắc TU, tỉnh Bình Dương là chất ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 0,3491 gam.

Tại Kết luận giám định số 16/MT - PC09 ngày 03/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: 01 (Một) bịch nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể trắng thu giữ của M tại phường F, thị xã TU, tỉnh Bình Dương là chất ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 1,0098 gam.

Cáo trạng số 71/CT-VKS.TU ngày 07/5/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU truy tố bị cáo M về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo M phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt: M từ 05 năm đến 06 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) bì thư đã được niêm phong, bên trong bì thư có chứa 1,0098 gam chất Methamphetamine, bên ngoài có chữ ký và dấu vân tay của bị cáo M, chữ ký người chứng kiến Nguyễn Thanh Tuấn, L; chữ ký cán bộ niêm phong Dương Hữu Hiệp, chữ ký giám định viên Nguyễn Ngọc Diệp, chữ ký ông Nguyễn Kim S –Trưởng Công an phường F và hình dấu mộc đỏ Công an phường F và mộc dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Bình Dương.

- 01 (Một) bì thư đã được niêm phong, bên trong bì thư có chứa 0,3491 gam chất Methamphetamine, bên ngoài có chữ ký và dấu vân tay của bị cáo M, chữ ký người chứng kiến Phan Quốc Tấn; chữ ký cán bộ niêm phong Trần Văn Bình, chữ ký giám định viên Nguyễn Ngọc Diệp, chữ ký ông Trần Văn Tán – Phó Trưởng Công an xã S và hình dấu mộc đỏ Công an xã S, huyện Bắc TU và mộc dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Bình Dương.

- 01 (Một) con dao bằng kim loại dài 20 cm;

- 01 (Một) súng điện tự chế màu đen;

- 01 (Một) cây ba trắc bằng kim loại có lốp mũ phía ngoài màu đỏ, loại công cụ hỗ trợ;

- 01 (Một) nỏ thủy tinh dùng để sử dụng ma túy;

- 01 (Một) túi xách da;

- 03 (Ba) ống thủy tinh.

Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo M khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng nêu trên.

Tại phiên toà, người bào chữa trình bày: Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và chỉ chỗ giấu ma tuý để Công an dễ dàng thu giữ; có cha được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất; không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; gia đình thuộc hộ cận nghèo; là lao động chính phải nuôi dưỡng bố mẹ già và con nhỏ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tr trình bày: Bà Trinh là vợ của bị cáo M. Bị cáo M là người chịu khó làm ăn và thương yêu vợ con. Tuy nhiên, khi có thai và nuôi con nhỏ thì bà Trinh về sống với bố mẹ đẻ tại tỉnh Long An cho nên bà không biết bị cáo M nghiện ma tuý và cất giấu ma tuý tại phòng trọ của vợ chồng. Chiếc xe mô tô bị cáo sử dụng khi đi mua ma tuý là tài sản riêng của bà Trinh để lại phòng trọ khi bà về nhà cha mẹ sinh sống. Bà không biết

bị cáo M sử dụng xe đó đi mua ma tuý. Công an thị xã TU đã trả lại xe mô tô cho bà. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo M trình bày: Bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải. Tuy nhiên, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bản thân là lao động chính phải nuôi mẹ già và con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị cáo là đúng thẩm quyền. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã TU, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tình tiết định tội và định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 28/11/2018 Công an phường F và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã TU lập; kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo M đã thực hiện hành vi tàng trữ 1,3589 gam ma túy, loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng, trong đó ngày 23/11/2018 tàng trữ 0,3491 gam và ngày 28/11/2018 tàng trữ 1,0098 gam. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, đủ căn cứ kết luận Cáo trạng số 71/CT-VKS-TU ngày 07/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU truy tố bị cáo M về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm b khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo M được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; có cha ruột là ông A được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt: Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, ý kiến của người bào chữa có căn cứ chấp nhận một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với ý kiến của người bào chữa về việc đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ là gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo và bản thân bị cáo là lao động chính phải nuôi cha mẹ già và con nhỏ là không có căn cứ, không phù hợp pháp luật vì lý do hộ gia đình cận nghèo không phải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, cha mẹ bị cáo có 07 người con nên bị cáo chỉ có nghĩa vụ hỗ trợ một phần nuôi cha mẹ.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận vì các vật chứng đều không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu huỷ.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 62K1-220.54 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Tr. Bà Trinh không có lỗi khi bị cáo sử dụng xe này vào việc phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử thấy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã TU trả xe cho bà Trinh là phù hợp pháp luật.

[7] Về việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn: Xét thấy cần tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị cáo M để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 106, 135, 136, 268, 269, 298, 299, 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điểm b khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo M phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt: Bị cáo M 05 (Năm) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 28/11/2018.

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị cáo M để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- 01 (Một) bì thư đã được niêm phong, bên trong bì thư có chứa 1,0098 gam chất Methamphetamine, bên ngoài có chữ ký và dấu vân tay của bị cáo M, chữ ký người chứng kiến Nguyễn Thanh Tuấn, L; chữ ký cán bộ niêm phong Dương Hữu Hiệp, chữ ký giám định viên Nguyễn Ngọc Diệp, chữ ký ông Nguyễn Kim S –Trưởng

Công an phường F và hình dấu mộc đỏ Công an phường F và mộc dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Bình Dương.

- 01 (Một) bì thư đã được niêm phong, bên trong bì thư có chứa 0,3491 gam chất Methamphetamine, bên ngoài có chữ ký và dấu vân tay của bị cáo M, chữ ký người chứng kiến Phan Quốc Tấn; chữ ký cán bộ niêm phong Trần Văn Bình, chữ ký giám định viên Nguyễn Ngọc Diệp, chữ ký ông Trần Văn Tán – Phó Trưởng Công an xã S và hình dấu mộc đỏ Công an xã S, huyện Bắc TU và mộc dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Bình Dương.

- 01 (Một) con dao bằng kim loại dài 20 cm;

- 01 (Một) súng điện tự chế màu đen;

- 01 (Một) cây ba trắc bằng kim loại có lốp mũ phía ngoài màu đỏ, loại công cụ hỗ trợ;

- 01 (Một) nỏ thủy tinh dùng để sử dụng ma túy;

- 01 (Một) túi xách da;

- 03 (Ba) ống thủy tinh.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dan sự thị xã TU).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo M phải chịu số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Công an thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Văn Hưng